

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hưởng.

Ông Lê Công Nhận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2026/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Phương T, sinh ngày 11/4/2003; số CCCD: 030303005xxx; nơi thường trú: Tổ dân phố L, phường K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Vũ Thị Phương T về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Ông Nguyễn Quang D, sinh ngày 18/5/1980; số CCCD: 030080014xxx; nơi thường trú: số 60 C, phố Q, phường G, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H, sinh ngày 16/5/2001; số CCCD: 030201011xxx; nơi thường trú: Tổ dân phố L, phường K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Phương T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 17/5/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Từ năm 2022, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Phạm Hải H1, sinh ngày 19/7/2019 và Phạm Yên H2, sinh ngày 24/5/2022, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm lao động tự do với mức thu nhập hơn 10 triệu đồng/tháng nên chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị Vũ Thị Phương T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 17/5/2021. Trước khi kết hôn, anh chị đã chung sống cùng nhau, sinh con Phạm Hải H1 vào ngày 19/7/2019, sau đó mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do năm 2022 anh và chị T cùng đi lao động tại Đài Loan, thời gian đó vợ chồng bất đồng quan điểm, không có niềm tin trong cuộc sống, mặc dù anh chị cùng về Việt Nam nhưng mỗi người sống một nơi, mỗi lần anh điện thoại chị T đều không nghe máy. Đến nay chị T có đơn xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Hải H1, sinh ngày 19/7/2019 và Phạm Yên H2, sinh ngày 24/5/2022, hiện hai cháu đang ở cùng chị T, anh đồng ý giao hai con cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí vì hiện nay thu nhập không cao, gia đình không có người hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn anh H. Về con chung: Giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Hải H1, sinh ngày 19/7/2019 và cháu Phạm Yến H2, sinh ngày 24/5/2022 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vũ Thị Phương T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn H có nơi thường trú: Tổ dân phố L, phường K, thành phố Hải Phòng và giải quyết về con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Nguyên đơn chị T, bị đơn anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Phương T và anh Phạm Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố S, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 17/5/2021 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị T xin ly hôn, anh H có quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị T ly hôn anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Phạm Hải H1, sinh ngày 19/7/2019 và cháu Phạm Yến H2, sinh ngày 24/5/2022, hiện hai cháu đang ở cùng chị T. Chị T đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, anh H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy chị T có thu nhập, đủ điều kiện để nuôi con, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu, cần giao cho chị T nuôi hai con chung đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Phương T, xử cho chị Vũ Thị Phương T ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Phương T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Hải H1, sinh ngày 19/7/2019 và cháu Phạm Yến H2, sinh ngày 24/5/2022 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Phương T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số 0002035 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị Phương T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Phương T và anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường K, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2021 tại UBND phường K, thành phố S, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh